

VÀI NÉT VỀ SỰ CẠNH TRANH ẢNH HƯỞNG CỦA TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN Ở ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN THANH BÌNH

Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

Đông Nam Á không chỉ là khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên, một thị trường đầy tiềm năng bởi dân số đông mà đây còn là khu vực án ngữ tuyến đường giao thông quan trọng trên biển, nối Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương. Chính vì vậy có thể nói rằng, từ rất lâu nơi đây đã trở thành một trong những nơi tập trung sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn, trong đó có Trung Quốc và Nhật Bản. Đây là điều không may cho các nước trong khu vực bởi thường bị lôi cuốn vào sự cạnh tranh của các nước lớn, song ngược lại sẽ là cơ hội tốt nếu các nước khai thác được lợi thế của mình. Đặc biệt như hiện nay khi mà địa vị của khu vực đang được nâng cao do đạt được tăng trưởng kinh tế cao và sự liên kết đa dạng về mặt chính trị (cho dù trên thực tế giữa các nước ASEAN vẫn còn tồn tại những bất đồng liên quan đến vấn đề lãnh thổ.v.v...) và sự phát triển năng động về mặt kinh tế.

Do hiện nay Trung Quốc và Nhật Bản đang có những bước đi nhằm tăng cường ảnh hưởng trong khu vực nên trong bài này sẽ chủ yếu phân tích, đánh giá về sự cạnh tranh của hai nước và những tác động của nó đến khu vực.

I. SỰ MỞ RỘNG ẢNH HƯỞNG CỦA HAI NƯỚC TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH.

Có thể nói rằng từ những năm 1950, Trung Quốc và Nhật Bản đã thực hiện những chính sách nhằm gây ảnh hưởng của mình vào khu vực Đông Nam Á với những mục đích khác nhau. Nhưng do chính sách, mục đích của mỗi nước cũng như ảnh hưởng của môi trường chính trị quốc tế tác động đến

khu vực nên hai nước cũng có những kết quả khác nhau.

Đối với Trung Quốc: Sau khi giành được thắng lợi và thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Trung Quốc lại phải đối mặt với thách thức mới: đó là sự bao vây về chính trị và kinh tế của Mỹ. Không chỉ có vậy, cho dù vào thời điểm đó, Trung Quốc đã kí Hiệp ước hoà bình hữu nghị với Liên Xô (cũ) thì Trung Quốc vẫn đứng trước sự đe dọa gián tiếp của Mỹ về mặt quân sự. Sự hiện diện của quân đội Mỹ ở Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản và toàn bộ khu vực Đông Nam Á đã khiến cho Trung Quốc hầu như không còn lối ra với thế giới bên ngoài bằng đường biển.

Để phá vỡ sự cô lập này của Mỹ, Trung Quốc không đủ sức và cũng không dám xung đột trực tiếp với Mỹ ở Đài Loan, Hàn Quốc hay Nhật Bản nên Trung Quốc chỉ còn cách chọn khu vực Đông Nam Á - nơi có phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc tương đối mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản các nước và cũng là nơi tập trung nhiều người Hoa. Sự dính dáng của Trung Quốc vào khu vực được thể hiện dưới hai hình thức là giúp đỡ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam và tìm cách can thiệp vào các nước khác trong khu vực. Thông qua các trợ giúp khác nhau. Tuy nhiên, sự kiện cuộc đảo chính ở Indonesia đã làm cho các nước Đông Nam Á khác e ngại Trung Quốc. Kết quả là, Trung Quốc bị các nước này coi như một mối đe dọa tiềm tàng nên quan hệ của Trung Quốc với các nước này hầu như bị rơi vào tình trạng tê liệt. Thậm chí đến những năm 1990 quan hệ giữa Trung Quốc với Indonesia mới được bình thường hoá. Sự hiện diện của Trung Quốc

trong khu vực này hầu như chỉ còn giới hạn ở ba nước Đông Dương. Như vậy, có thể khẳng định rằng mục đích mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc xuống khu vực Đông Nam Á chủ yếu là tạo ra một "vùng đệm" để nhằm ngăn chặn sự uy hiếp của Mỹ hay chí ít cũng làm suy yếu ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực song đường như đã không thành công.

Sau khi nhân dân Việt Nam giành thắng lợi vào năm 1975, người ta lại thấy Trung Quốc một lần nữa tìm cách quay trở lại khu vực nhưng với động cơ hoàn toàn khác. Việc quan hệ Trung - Xô trở thành quan hệ thù địch đã làm cho Trung Quốc quay sang bắt tay với Mỹ nhằm chống lại Liên Xô. Do đó việc nước Việt Nam thống nhất cũng như Liên Xô tăng cường quan hệ với Việt Nam đã khiến cho Trung Quốc lo ngại Liên Xô cùng với Việt Nam tạo thành thế bao vây Trung Quốc cũng như sẽ mở rộng ảnh hưởng xuống khu vực thông qua Việt Nam. Chính vì vậy Trung Quốc đã cùng Mỹ lợi dụng cái gọi là "vấn đề Căm-Pu-Chia" để tiếp cận và cải thiện quan hệ với các nước ASEAN¹. Vì vậy, cũng không có gì là ngạc nhiên khi ở thời điểm đó Trung Quốc không ngừng ủng hộ ý kiến của các nước này về vấn đề Căm-Pu-Chia, thậm chí Trung Quốc còn tiến hành viện trợ quân sự cho Thái Lan. Song sau khi vấn đề Căm-Pu-Chia được giải quyết, sự hiện diện của Trung Quốc trong khu vực vẫn mờ nhạt bởi phần lớn các nước này vẫn e ngại Trung Quốc.

Như vậy trong giai đoạn này, lý do chính để Trung Quốc tiến vào khu vực Đông Nam Á cũng chỉ đơn thuần là ngăn chặn sự bao vây của Mỹ và tạo ra một hành lang an toàn cho Trung Quốc và sau này là nhằm ngăn cản việc Liên Xô mở rộng ảnh hưởng xuống khu vực.

Đối với Nhật Bản: Sau Chiến tranh Thế giới thứ II, do được đặt dưới cái ô bảo vệ của Mỹ nên Nhật Bản hầu như chỉ việc tập trung vào phục hồi và phát triển kinh tế. Chiến lược của Nhật Bản là dựa vào ngoại thương để phát triển đất nước nên khu vực Đông Nam Á được xác định có vị trí quan trọng để thực hiện chiến lược này. Bởi "cả Mỹ và Nhật Bản đều nhận thức rằng, Đông Nam Á có tầm quan trọng về mặt chiến lược và kinh tế không chỉ vì vị trí của nó, mà còn vì lương thực và nguyên liệu nó cung cấp cho Nhật Bản và các nước khác"².

Để tạo điều kiện cho việc thâm nhập và tạo dựng ảnh hưởng trong khu vực, Nhật Bản đã sử dụng lá bài viện trợ kinh tế dưới hình thức "bồi thường chiến tranh" và các khoản bồi thường này chủ yếu được chi bằng các khoản hàng hoá, trang thiết bị và dịch vụ.v.v... Tất nhiên vào những năm đó, nền kinh tế của các nước trong khu vực vẫn hết sức yếu kém, nên sự viện trợ này của Nhật Bản được các nước hoan nghênh vì được xem như là yếu tố quan trọng để phát triển kinh tế cho dù các nước Đông Nam Á vẫn không quên những tội ác của Nhật Bản trong Chiến tranh Thế giới thứ II. Kết quả là con đường để Nhật Bản quay trở lại khu vực này trở nên thuận lợi hơn và chẳng mấy chốc hàng hoá của Nhật Bản tràn ngập thị trường các nước này.

Nhưng, sự khai thác tài nguyên cũng như sự xâm nhập hàng hoá quá mức của Nhật Bản đã dẫn đến phản ứng gay gắt của người dân các quốc gia này. Các cuộc biểu tình chống Nhật đã nổ ra khi Thủ tướng Nhật Bản Tanaka đến thăm các nước Đông Nam Á năm 1974. Nhưng dù nói thế nào chăng nữa thì có một thực tế không thể phủ nhận là, chủ nghĩa dân tộc đã không vượt qua nổi sức mạnh của đồng tiền và sự hấp dẫn của kỹ

¹. ASEAN ở đây dùng để chỉ 6 nước thành viên lúc đó là Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Philippin, Singapo và Brunei.

². "Quan hệ ASEAN - Nhật Bản: Tình hình và triển vọng"; Viện Châu Á và Thái Bình Dương; Hà Nội. 1989.

thuật tiên tiến. Do vậy hàng hoá của Nhật Bản vẫn tiếp tục chảy vào các quốc gia này.

Tuy nhiên, trước sự phản ứng như vậy của các nước Đông Nam Á cộng thêm việc giảm dân sự hiện diện của Mỹ trong khu vực sau thất bại ở Việt Nam, sự tranh giành mở rộng ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Quốc xuống khu vực đã buộc Nhật Bản phải đưa ra một chính sách mới đối với Đông Nam Á. Chính đây là lí do ra đời học thuyết Fukuda năm 1977, với học thuyết này cộng với các khoản cam kết tăng cường viện trợ và đầu tư vào các nước Đông Nam Á đã cho thấy, Nhật Bản không chỉ còn mong muốn đóng vai trò về mặt kinh tế mà còn muốn đóng vai trò về mặt chính trị trong việc duy trì ổn định và tăng cường đoàn kết giữa các nước ASEAN lúc đó với ba nước Đông Dương. Sau đó dù Nhật Bản không thực hiện được vai trò là chiếc cầu nối giữa ASEAN và Đông Dương do xảy ra "vấn đề Căm-Pu-Chia" nhưng, Nhật Bản vẫn tích cực tham gia vào giải quyết những vấn đề chính trị trong khu vực đặc biệt là vấn đề Căm-Pu-Chia. Do đó có thể nói, vai trò chính trị và kinh tế của Nhật Bản đã được khẳng định rõ ràng hơn.

Tóm lại, trong giai đoạn chiến tranh lạnh, cả Nhật Bản và Trung Quốc đều muốn gây ảnh hưởng vào khu vực Đông Nam Á song do mục đích và phương thức khác nhau nên trong khi Nhật Bản ngày càng đạt được vai trò lớn hơn thì ngược lại Trung Quốc đã thất bại. Tuy nhiên, do vị thế của Đông Nam Á nên đây vẫn là khu vực tranh giành ảnh hưởng của hai nước trong giai đoạn tiếp theo.

II. SỰ CẠNH TRANH ẢNH HƯỞNG SAU CHIẾN TRANH LẠNH.

Có thể khẳng định rằng, chiến tranh lạnh kết thúc vào đầu thập kỷ 1990 đã làm đảo lộn trật tự vốn có của thế giới được duy trì từ sau Chiến tranh Thế giới thứ II - một thế giới lưỡng cực do Mỹ và Liên Xô đứng đầu đã mau chóng chuyển sang thế giới đơn cực với siêu cường là Mỹ. Điều này thúc đẩy các

nước phải điều chỉnh lại chính sách đối ngoại cho phù hợp với tình hình quốc tế mới. Trước tình hình như vậy cả Nhật Bản và Trung Quốc đều tìm cách vươn lên nhằm trở thành một cực để sắp xếp lại trật tự thế giới mới. Để thực hiện được mục tiêu này, ngoài việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước thì mở rộng ảnh hưởng ra nước ngoài là một nhân tố quan trọng. Chính vì vậy, khu vực Đông Nam Á vẫn được xác định là một trong những địa bàn quan trọng của hai nước.

Với Trung Quốc: Trong những năm đầu của thập kỷ 1990, cho dù Trung Quốc tiến hành bình thường hoá quan hệ ngoại giao với một số nước còn lại trong khu vực bao gồm cả Việt Nam nhưng, Trung Quốc vẫn chưa thực sự chú trọng vào việc phát triển quan hệ với khu vực này mà chỉ tập trung vào phát triển kinh tế trong nước. Những thành công về phát triển kinh tế cũng như bối cảnh quốc tế lúc đó đã làm cho Trung Quốc ảo tưởng rằng, Trung Quốc đã đủ điều kiện để phát huy vai trò của một cường quốc. Nhưng khi Trung Quốc tăng cường các hoạt động quân sự đối với Đài Loan và trên biển Đông đã gặp phải sự phản ứng của Mỹ và Nhật Bản. Một thế bao vây mới Trung Quốc đã được Mỹ giăng ra: đó là "định nghĩa lại hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ" cũng như sự hiện diện trở lại của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á hoặc như lính và vũ khí Mỹ đã có mặt ở các nước Trung Á sát với Trung Quốc sau khi xảy ra vụ khủng bố ở nước Mỹ 11/9/2001.

Trước thực tế như vậy, Trung Quốc đã phải điều chỉnh lại chính sách ngoại giao của mình. Ngoài việc tiếp tục tăng cường duy trì quan hệ với Mỹ, Nhật Bản nhằm giữ được nguồn vốn viện trợ và đầu tư trực tiếp ra, Trung Quốc còn tích cực thành lập và tham gia vào các tổ chức đa phương như: "Tổ chức hợp tác Thượng Hải", Hiệp hội các nước ASEAN.v.v... Đặc biệt Trung Quốc còn đưa ra chính sách đối ngoại mang tính chất mới là coi trọng quan hệ với các nước láng giềng

nhằm vừa thúc đẩy hợp tác kinh tế vừa tăng cường ảnh hưởng của mình để làm giảm sự bao vây của Mỹ.

Chính vì vậy, từ giữa những năm 1990 Trung Quốc đã tăng cường quan hệ chặt chẽ và toàn diện hơn với các nước ASEAN. Trong quan hệ chính trị, từ năm 1996 ngoài việc thúc đẩy quan hệ song phương ra, Trung Quốc còn tham gia vào hợp tác đa phương của toàn khối ASEAN như: Hội nghị cấp Bộ trưởng ngoại giao hàng năm, tham gia cuộc họp cấp cao các nước ASEAN được tổ chức hàng năm, đặc biệt năm 2003 Trung Quốc còn tiến xa hơn nữa là chính thức tham gia "Hiệp ước hữu nghị Đông Nam Á". Cùng với thúc đẩy quan hệ chính trị, Trung Quốc còn đẩy mạnh quan hệ kinh tế với các nước ASEAN. Ngoài việc Trung Quốc cùng ASEAN thành lập "Ủy ban kinh tế mậu dịch ASEAN - Trung Quốc", "Ủy ban hợp tác khoa học ASEAN - Trung Quốc", "Ủy ban liên hiệp tác ASEAN - Trung Quốc" và hai bên đã đạt được thoả thuận thành lập "khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc" vào năm 2010, Trung Quốc còn tiến hành viện trợ về kinh tế cho một vài nước ASEAN. Việc Trung Quốc cố gắng hoà nhập vào khu vực ASEAN cũng như sức hấp dẫn thị trường của Trung Quốc đối với các nhà đầu tư đã làm cho quan hệ kinh tế giữa hai bên phát triển nhanh chóng. Kim ngạch thương mại hai chiều đã đạt tới 54,77 tỷ USD trong năm 2002. Ngoài ra đầu tư của các nước ASEAN vào Trung Quốc cũng tăng khá mạnh, đến năm 2001 đầu tư của các nước ASEAN vào Trung Quốc đã đạt trên 50 tỷ USD.

Như trên đã đề cập tới, chính sách tăng cường quan hệ chặt chẽ với các nước ASEAN vẫn ẩn chứa mục đích giống như trong thời kỳ chiến tranh lạnh là cột chặt ASEAN vào Trung Quốc nhằm loại trừ hoặc chí ít cũng làm giảm ảnh hưởng của Mỹ và Nhật Bản ở khu vực. Nhưng trong thời kỳ này còn một lý do quan trọng nữa là sẽ bảo vệ được con đường vận chuyển năng lượng

quan trọng cho nền kinh tế đang phát triển quá "nóng" của Trung Quốc. Những điều này đã được các học giả và các nhà quân sự của Trung Quốc thừa nhận. Chẳng hạn Giáo sư Lý Khánh Tư thuộc Viện Quan hệ quốc tế Đại học nhân dân Trung Quốc đã viết "Quan hệ với ASEAN chiếm địa vị hết sức quan trọng trong ngoại giao láng giềng của Trung Quốc. Không phải chỉ do ASEAN là tổ chức mang tính khu vực có ảnh hưởng quốc tế, là khu vực chủ yếu vươn lên ở châu Á vào thập kỷ 90 của thế kỷ trước mà khu vực này án ngữ con đường vận chuyển huyết mạch trên biển từ Thái Bình Dương sang khu vực giàu dầu mỏ Trung Đông. Đối với Trung Quốc nước ngày càng phụ thuộc vào đường vận chuyển trên biển nhằm đáp ứng nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu ngày càng tăng thì Đông Nam Á chẳng những là nơi đường nhập khẩu đi qua mà còn là cơ sở cung cấp nguyên liệu"³.

Chính vì lý do trên, có thể khẳng định trong tương lai gần Trung Quốc vẫn cố gắng thúc đẩy quan hệ chặt chẽ hơn nữa với các nước ASEAN theo hướng song phương và toàn khu vực.

Với Nhật Bản: Trong những năm đầu sau chiến tranh lạnh, Nhật Bản cũng cố gắng vươn lên thành một cường quốc đầy đủ hơn trên vũ đài chính trị quốc tế. Điều này được Nhật Bản thể hiện trong những nỗ lực để giải quyết vấn đề Căm-Pu-Chia cũng như tăng cường đóng góp vào sự ổn định của Đông Nam Á. Tuy nhiên, trong khi Nhật Bản vẫn duy trì quan hệ với các nước ASEAN theo một mô hình định sẵn mà chưa có bước đột phá nào thì gặp phải những bước đi cạnh tranh quyết liệt của Trung Quốc như đã đề cập ở trên.

Song, như đã nêu ở phần trên, khu vực Đông Nam Á là nơi có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với Nhật Bản và vốn là nơi được

³. Tài liệu tham khảo đặc biệt; Thông tấn xã Việt Nam; ngày 10 - 4 - 2004.

Nhật Bản coi là "sân sau" của mình nên ngoài Mỹ là đồng minh chiến lược quan trọng ra, Nhật Bản khó có thể chấp nhận sự cạnh tranh của các nước khác, nhất là là Trung Quốc. Vì vậy, Nhật Bản cũng đã phải nhanh chóng đưa ra những chính sách mới nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của Trung Quốc. Nhưng trong những năm cuối của thập kỷ 1990, Nhật Bản hầu như không kí được một hiệp định nào với các nước ASEAN mà Nhật Bản tăng cường quan hệ với ASEAN dựa trên sức mạnh kinh tế và kỹ thuật, tức là bằng cách tăng viện trợ ODA, đầu tư và thương mại. Đặc biệt, khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á, mặc dù Nhật Bản là nước cũng chịu thiệt hại không nhỏ nhưng Nhật Bản vẫn giành một khoản tiền lớn để giúp các nước khác phục hậu quả. Điều này càng làm tăng uy tín của Nhật Bản không chỉ trong khu vực mà còn cả trong cộng đồng quốc tế.

Tuy nhiên, trước việc Trung Quốc ngày càng đẩy mạnh quan hệ với các nước ASEAN đã buộc Nhật Bản phải đưa ra những chính sách cụ thể hơn. Tháng 12 - 2003 Nhật Bản đã tổ chức Hội nghị Cấp cao Nhật Bản - ASEAN tại Tokyo và hai bên đã đạt được nhiều thoả thuận nhằm thúc đẩy quan hệ giữa hai bên phát triển hơn nữa. Tiếp đến Nhật Bản cũng tham gia Hiệp ước hoà bình hữu nghị Đông Nam Á, kí Hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau với các nước ASEAN. Đặc biệt thái độ phản ứng lại việc Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng xuống khu vực Đông Nam Á của Nhật Bản được thể hiện rất rõ trong việc ký kết khu vực mậu dịch tự do với ASEAN với tuyên bố từ chối tham gia khu vực mậu dịch tự do nếu có Trung Quốc. Về vấn đề này Giáo sư Diêm Học Thông, Viện trưởng Viện nghiên cứu các vấn đề quốc tế của Trường Đại học Thanh Hoa

đã nhận xét: "việc Nhật Bản ký hiệp định mậu dịch tự do với các nước ASEAN không phải vì mục đích kinh tế mà là mục đích chính trị, khống chế Trung Quốc trở nên mạnh ở khu vực Đông Á"⁴.

Như vậy, sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa Nhật Bản và Trung Quốc (tất nhiên không thể thiếu Mỹ) ở khu vực Đông Nam Á sẽ ngày càng trở nên quyết liệt hơn và trong cuộc chạy đua này mỗi bên đều có những lợi thế riêng. Nếu Nhật Bản có lợi thế về nguồn vốn, kỹ thuật tiên tiến và sự ủng hộ của Mỹ thì Trung Quốc cũng có sự hấp dẫn của thị trường khổng lồ đặc biệt là lực lượng Hoa kiều đông đảo đang nắm giữ nguồn tài chính khổng lồ ở các nước này. Vì vậy, sự cạnh tranh ảnh hưởng sẽ tạo ra những cơ hội và thách thức mới cho các nước trong khu vực. Các nước ASEAN có thể tranh thủ được nguồn vốn, kỹ thuật, thị trường.v.v... mà hai nước dành cho để phát triển kinh tế của mỗi nước cũng như của toàn thể khu vực. Song nếu các nước ASEAN không giữ được sự nhất trí, đoàn kết cao thì lại rất dễ bị chia rẽ nhất là đối với chính sách mà Trung Quốc đang thực thi là một mặt tăng cường quan hệ với toàn khu vực nhưng một mặt lại thúc đẩy quan hệ riêng rẽ với từng nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sekihara Kyoichi "Quốc tế hoá kinh tế của Trung Quốc và khu vực Đông Á"; Nxb Ajia keizai; Tokyo 1997.
2. Muramatu Gifu và Shiraishi Ryu chủ biên "Chính trị, kinh tế Nhật Bản và các nước châu Á"; Nxb Kobusai nihon bunka kenkyu center; Tokyo 2003.
3. Tài liệu tham khảo đặc biệt.
4. Tạp chí Quan hệ quốc tế hiện đại, Trung Quốc.

⁴. Tạp chí Quan hệ quốc tế hiện đại, số 6 - 2004; bản tiếng Trung.